TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và bà Phạm Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2021/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị S, sinh năm 1975. Có mặt

Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1970. Có mặt

Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày: Chị và anh Đỗ Văn L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 16/11/1994 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn chung sống với nhau một thời gian thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, anh L thường gây sự đánh đập chị và đã đốt căn nhà ở của vợ chồng. Năm 2021 chị đã xin ly hôn nhưng đã rút đơn khởi kiện để anh L thay đổi, sửa chữa. Nhưng nay, tình trạng hôn nhân vẫn lâm vào trầm trọng, tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Đỗ C, sinh ngày 17/6/2002 đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu gì và Đỗ Phi C (đã chết) không có vợ con.

Về tài sản chung: Căn nhà bị anh L đốt gắn với đất tại thửa 237, tờ bản đồ số 34, tại P, xã A, huyện T; Diện tích 4.222m^2 đất rừng sản xuất tại núi H, thôn P, xã A, huyện , tỉnh Phú Yên là đất mua của Đặng T và bà Phạm Thị T; một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/7/1998 gồm 03 thửa: thửa 131, tờ bản

đồ số 1, diện tích 910m^2; thửa 87 tờ bản đồ số 01, diện tích 580m^2 và thửa 88, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.335m^2. Xe mô tô hiệu DH và một xe Wave RSX do anh L sử dụng và 03 con bò. Chị yêu cầu chia mỗi người ½ số tài sản trên. Qúa trình giải quyết chị S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với: Diện tích 4.222m^2 đất rừng sản xuất tại H, thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên đất mua của Đặng T và bà Phạm Thị T; 03 thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/7/1998 gồm: thửa 131, tờ bản đồ số 1, diện tích 910m^2; thửa 87, tờ bản đồ số 01, diện tích 580m^2 và thửa 88, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.335m^2 và hai xe mô tô.

Bị đơn anh Đỗ Văn L trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung như chị S trình bày. Về hôn nhân, quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, có bất đồng quan điểm sống, đôi lúc giận quá có đánh chị S và anh đã đốt căn nhà chính của vợ chồng tại thửa đất 237. Nay chị S xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: Đỗ C, sinh ngày 17/6/2002 đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu gì và con Đỗ Phi C (đã chết) không có vợ con.

Về tài sản chung: Căn nhà và đất tại thửa 237, tờ bản đồ số 34, tại P, xã A, huyện T (nhà chính anh đã đốt chỉ còn nhà dưới); Diện tích 4.222m^2 đất rừng sản xuất tại H, thôn P, xã An, huyện T, tỉnh Phú Yên là đất mua của Đặng T, Phạm Thị T; 03 thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/7/1998 gồm: thửa 131, tờ bản đồ số 1, diện tích 910m^2; thửa 87, tờ bản đồ số 01, diện tích 580m^2 và thửa 88, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.335m^2; hai xe mô tô DH và một xe Wave RSX do anh đang quản lý, còn 03 con bò anh đã bán một con được 17.000.000 đồng để nâng đất có nhà ở, còn lại 02 con bò cũng đã bán 32.000.000 đồng. Ly hôn, anh đồng ý chia mỗi người ½ số tài sản trên.

Tại phiên tòa chị S xin rút một phần yêu cầu chia tài sản chung gồm: Diện tích 4.222m^2 đất rừng sản xuất tại H, thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, mua của Đặng T và bà Phạm Thị T; 03 thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/7/1998 gồm thửa 131, thửa 87, thửa 88 và hai xe mô tô DH và Wave RSX. Bị đơn anh L đồng ý ly hôn, thống nhất việc chị S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản trên và đồng ý chia ½ tài sản chung gồm thửa 237 và 32.000.000 đồng tiền bán bò.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét, nguyên nhân Hôn nhân gia đình không hạnh phúc có phần lỗi của anh L là có người phụ nữ khác, thường xuyên đánh chị S, vi phạm hôn nhân một vợ một chồng, có hành vi bạo lực. Căn cứ Điều 51, 56, 59, 62 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị S được ly hôn với anh L.

Về tài sản chung: Chia mỗi người ½ diện tích đất tại thửa 237, tờ bản đồ số 34, phần tài sản cây cối trên phần đất được giao, các đương sự thống nhất giao cho ai thì người đó nhận. Cụ thể, giao cho anh L diện tích 550m^2 đất (100m^2 đất ở và 450m^2 đất BHK), có giới cận: Đông giáp đường bê tông và một phần đất ông Phạm Văn H; Tây giáp quốc lộ 1A; Nam giáp phần 550m^2 được giao cho chị S; Bắc giáp đất ông Phạm V. Giao cho chị S diện tích 550m^2 đất (100m^2 đất ở và 450m^2 đất BHK) có giới cận: Đông giáp đường bê tông; Tây giáp quốc lộ 1A; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp diện tích 550m^2 được giao cho anh L. Buộc anh L giao lại

cho chị S 16.000.000 đồng, là khoản tài sản chung do anh L đã bán 02 con bò 32.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu chia các thửa đất 131, thửa 87, thửa 88 và 4.222m^2 đất tại núi H, thôn P, xã A nguyên đơn chị S xin rút nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị S và anh Đỗ Văn L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 16/11/1994 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, đây là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình sống chung với nhau có nhiều mâu thuẫn, năm 2021 chị S xin ly hôn nhưng đã rút đơn được Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 29 ngày 13/6/2021, nay hôn nhân vợ chồng vẫn không hàn gắn được, anh L thừa nhận anh có người phụ nữ bên ngoài, thường xuyên đánh chị S, vì giận quá nên anh đã đốt căn nhà chính của vợ chồng tại thửa đất 237. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng là không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị S được ly hôn với bị đơn anh L.

[3] Về con chung: Con Đỗ Phi C (đã chết) không có vợ con; Đỗ C, sinh ngày 17/6/2002 đã thành niên, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu gì, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Qúa trình giải quyết và tại phiên tòa chị S rút một phần đối với yêu cầu chia tài sản chung gồm: Diện tích 4.222m^2 đất rừng sản xuất tại H, thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên đất mua của ông Đặng T và bà Phạm Thị T; 03 thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/7/1998 gồm: thửa 131, tờ bản đồ số 1, diện tích 910m^2; thửa 87, tờ bản đồ số 01, diện tích 580m^2 và thửa 88, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.335m^2, và hai xe mô tô hiện anh L sử dụng; anh L đồng ý việc rút một phần yêu cầu của chị S. Căn cứ căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung này. Tại phiên tòa chị S yêu cầu anh L cùng có trách nhiệm trả 130.000.000 đồng khoản chi phí do chị đã bỏ ra để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 237, tuy nhiên sau đó chị S rút phần ý kiến này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, chị S có quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

Đối với các tài sản chung chị S yêu cầu chia mỗi người ½ gồm: đất tại thửa 237, tờ bản đồ số 34, tại P, xã A, huyện T được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/01/2021, có giới cận: Đông giáp đường bê tông và một phần đất ông Phạm Văn H; Tây giáp quốc lộ 1A; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp đất ông Phạm Văn H. Diện tích đo đạt thực tế 1.100m^2. Chị S yêu cầu chia mỗi người ½ diện tích đất và xin nhận phần diện tích có căn nhà phụ (phần hướng nam giáp đường bê tông). Tại thửa 327 hiện trên đất có căn nhà chính đã bị anh L đốt, còn lại căn nhà phụ và các cây cối, tài sản khác có trên đất các bên thống nhất trường hợp giao phần đất cho người nào thì người đó hưởng các tài sản có trên phần được giao; anh L đồng ý nhưng xin nhận phần diện tích còn căn nhà

phụ. Hội đồng xét xử thấy rằng căn nhà chính do anh L đã đốt, nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia mỗi người ½ diện tích, cụ thể:

Giao cho chị S diện tích 550m^2 đất (100m^2 đất ở và 450m^2 đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa 237, tờ bản đồ số 34, có giới cận: Đông giáp đường bê tông; Tây giáp quốc lộ 1A; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp diện tích 550m^2 của thửa 237 được giao cho anh L. Giao cho anh L diện tích 550m^2 đất (100m^2 đất ở và 450m^2 đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa 237, tờ bản đồ số 34, có giới cận: Đông giáp đường bê tông và phần đất ông H; Tây giáp quốc lộ 1A; Nam giáp phần 550m^2 còn lại của thửa 237 được giao cho chị S; Bắc giáp đất ông Phạm Văn H.

Đối với 03 con bò: Anh L trình bày đã bán 01 con được 17.000.000 đồng và đã chi phí hết cho việc đổ đất nâng nền thửa 327; còn lại 02 con anh cũng bán được 32.000.000 đồng. Chị S đồng ý và chỉ yêu cầu chia mỗi người 1/2 số tiền bán 02 con bò là 32.000.000 đồng, anh L đồng ý chia. Nên buộc anh L phải giao lại cho chị S 16.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn, nguyên đơn phải chịu án phí trên phần giá trị tài sản chung được chia (tổng giá trị thửa đất 237 là 293.000.000 đồng + giá trị 2 con bò 32.000.000 đồng = 325.300.000 đồng x 5% = 16.265.000 đồng, nên mỗi người phải chịu 1/2)

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ, định giá tài sản: 10.000.000 đồng, nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu ½. Chị S đã nộp 7.000.000 đồng anh L nộp 3.000.000 đồng, nên anh L phải hoàn lại cho chị S 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị S.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị S được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

Về con chung: Đỗ C, sinh ngày 17/6/2002 đã thành niên có khả năng lao động nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Giao cho chị Phạm Thị S diện tích 550m^2 đất (100m^2 đất ở và 450m^2 đất trồng cây hàng năm khác) có căn nhà dưới và các tài sản cây cối, thuộc thửa 237, tờ bản đồ số 34, có giới cận: Đông giáp đường bê tông; Tây giáp quốc lộ 1A; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp diện tích 550m^2 của thửa 237 được giao cho anh Đỗ Văn L (kèm sơ đồ bản vẽ). Giao cho anh Đỗ Văn L diện tích 550m^2 đất (100m^2 đất ở và 450m^2 đất trồng cây hàng năm khác) có căn nhà trên không có mái và các tài sản cây cối, thuộc thửa 237, tờ bản đồ số 34, có giới cận: Đông giáp đường bê tông và một phần đất ông Phạm Văn H; Tây giáp quốc lộ 1A; Nam giáp phần 550m^2 của thửa 237 được giao cho chị Phạm Thị S; Bắc giáp đất ông Phạm Văn H (kèm sơ đồ bản vẽ).

Chị Phạm Thị S và anh Đỗ Văn L có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện các thủ tục về quản lý đất đai theo quy định pháp luật.

Buộc anh Đỗ Văn L phải giao lại cho chị Phạm Thị S 16.000.000 đồng về khoản tiền anh L đã bán hai con bò 32.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia các tài sản chung phần các thửa đất: 131, tờ bản đồ số 01, diện tích 910m^2; thửa 87, tờ bản đồ số 01, diện tích 580m^2; thửa 88, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.335m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp 25/7/1998 và diện tích 4.222m^2 đất rừng sản xuất tại H, thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Đặng T, Phạm Thị T cấp ngày 24/5/2010; và hai xe mô tô DH và Wave RSX.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền số 0003724 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An. Chị Phạm Thị S và anh Đỗ Văn L mỗi người phải chịu 8.125.000 đồng án phí trên phần giá trị tài sản chung được chia.

Về chi phí tố tụng khác: Xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ, định giá tài sản 10.000.000 đồng, mỗi người phải chịu ½. Chị S đã tạm ứng 7.000.000 đồng, anh L đã tạm ứng 3.000.000 đồng, nên anh L phải thanh toán lại cho chị S 2.000.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy An;
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong